

ĐỀ KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM TUẦN 23 - KHỐI 5 - MÔN TIẾNG VIỆT

Câu 1: Từ gạch dưới trong các cụm từ sau: chú hề Kark; cô bé không hề cười, có quan hệ với nhau như thế nào?

- a. từ đồng nghĩa b. từ trái nghĩa c. từ nhiều nghĩa d. từ đồng âm

Câu 2: Cặp quan hệ từ trong câu: “Nếu con có thể sống sót thì con phải nhớ rằng mẹ rất yêu con.” biểu thị quan hệ gì?

- a. giả thiết (điều kiện) – kết quả b. nguyên nhân – kết quả c. tăng tiến d. tương phản

Câu 3: Các tên riêng chỉ địa danh đúng là:

- a. Hai Ngàn, Ngã ba, Pù Mo, Pù Xai b. Hai Ngàn, Ngã Ba, Pù Mo, Pù Xai
c. Hai ngàn, Ngã ba, Pù Mo, Pù Xai d. Hai Ngàn, Ngã ba, Pù Mo, Pù xai

Câu 4: Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa từ “trật tự”?

- a. Trạng thái bình yên, không có chiến tranh. b. Trạng thái yên ổn, bình lặng, không ồn ào.
c. Tình trạng ổn định, có tổ chức, có kỉ luật. d. Trạng thái hòa bình, vui vẻ.

Câu 5: Câu thành ngữ, tục ngữ nào nói về quan hệ gia đình?

- a. Chị ngã, em nâng. b. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.
c. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết. d. Nhất tực vi sư, bán tực vi sư.

Câu 6: Giữ gìn an ninh là trách nhiệm của những ai?

- a. Giữ gìn an ninh là trách nhiệm của các chú cảnh sát.
b. Giữ gìn an ninh là trách nhiệm của các chú bảo vệ.
c. Giữ gìn an ninh là trách nhiệm của mọi người
d. Giữ gìn an ninh là trách nhiệm của các bác tổ trưởng dân phố.

Câu 7: Trong câu: “Tuy giống dừa đá trái nhỏ nhưng dày cùi, cây lực lưỡng, cao vút.” có cặp quan hệ từ biểu thị quan hệ:

- a. giả thiết (điều kiện) – kết quả b. nguyên nhân – kết quả
c. tăng tiến d. tương phản

Câu 8: Câu tục ngữ, thành ngữ nào nói về hiện tượng thiên nhiên?

- a. Giấy rách phải giữ lấy lề. b. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.
c. Anh em bốn biển một nhà. d. Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

Câu 9: Những từ chỉ hoạt động bảo vệ trật tự, an ninh hoặc yêu cầu của việc bảo vệ trật tự, an ninh là:

- a. xét xử, bảo mật, cảnh giác, giữ bí mật. b. xét xử, bảo mật, cơ quan an ninh, thẩm phán.
c. cảnh giác, giữ bí mật, đồn biên phòng, tòa án. d. bảo mật, cảnh giác, công an, đồn biên phòng.

Câu 10: Cặp quan hệ từ trong câu: “*Lan không những học giỏi mà còn múa rất đẹp*”. Biểu thị quan hệ:

- a. giả thiết – kết quả b. tương phản c. tăng tiến d. nguyên nhân- kết quả

Câu 11: Cặp quan hệ từ trong câu: “*Vì cuối tháng này tôi thi học kỳ nên tôi phải học hành thật chăm chỉ*”. Biểu thị quan hệ:

- a. giả thiết – kết quả b. tương phản c. tăng tiến d. nguyên nhân- kết quả

Câu 12: Chọn cặp quan hệ từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành câu: “... năm nay tôi được học sinh giỏi ... bố mẹ sẽ thưởng cho tôi một chuyến du lịch.”

- a. Vì...nên b. Nếu...thì c. Không những...mà còn d. Tuy...nhưng

Câu 13: Chọn các cặp quan hệ từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành câu:

“Tôi vào thành phố Hồ Chí Minh ... máy bay ... kịp cuộc họp ngày mai.”

- a. tuy ... nhưng b. của... nhưng
c. bằng... để d. vì ... nên

Câu 14: Cặp quan hệ từ trong câu: “*Nếu rừng cây cứ bị chặt phá xơ xác thì mặt đất sẽ ngày càng thưa vắng bóng chim*.” Biểu thị quan hệ:

- a. giả thiết – kết quả b. tương phản c. tăng tiến d. nguyên nhân- kết quả

Câu 15: Trong câu: “Cả lớp trật tự nghe cô giáo giảng bài.” Từ “trật tự” thuộc từ loại nào?

- a. danh từ b. động từ c. đại từ d. tính từ

Câu 16: Trong câu: “*Chiều chiều, trên triền đê, đám trẻ mục đồng chúng tôi thả diều.*” Trạng ngữ là:

- a. chiều chiều b. trên triền đê c. chiều chiều, trên triền đê d. đám trẻ mục đồng chúng tôi

Câu 17: Trong câu: “*Hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thẳm dưới chân đua nhau tỏa mùi thơm.*” có chủ ngữ là:

- a. hoa lá, quả chín.
b. hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thẳm dưới chân
c. hoa lá, quả chín, những vạt nấm ẩm ướt
d. con suối chảy thẳm dưới chân

Câu 18: Trong câu: “*Những tàu lá chuối vàng ối xoã xuống như những đuôi áo, vạt áo.*” có vị ngữ là:

- a. vàng ối xoã xuống như những đuôi áo, vạt áo.
b. như những đuôi áo, vạt áo.
c. xoã xuống như những đuôi áo, vạt áo.
d. xuống như những đuôi áo, vạt áo.

Câu 19: Từ trái nghĩa với “giữ gìn là:

- a. bảo vệ b. bảo tồn c. phá hoại d. phát huy

Câu 20: Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ “gọn gàng”?

- a. ngăn nắp b. lộn xộn c. bừa bãi d. cầu thả

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐÁP ÁN	d	a	b	c	a	c	d	d	a	c	d	b	c	a	d	c	b	c	c	a